

Số: 245/2022/QĐST-HNGĐ

L, ngày 06 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Xóm L, xã B Sơn, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Nguyễn Xuân O, sinh năm 1956

4. Bà Mạc Thị V, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Xóm L, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 463, 465, 466, 468, 470 của BLDS.

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn B có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T tổng số T 325.000.000 đồng (Ba trăm, hai mươi lăm triệu đồng). Trong đó T gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), T lãi 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 06/9/2022 và lãi chậm thi hành án bằng 0,7%/tháng đến khi thanh toán xong.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn B tự nguyện chịu cả 300.000 đồng T án phí ly hôn sơ thẩm và 8.125.000 đồng T án phí dân sự sơ thẩm, tổng phải nộp 8.425.000 đồng (Tám triệu, bốn trăm, hai mươi lăm nghìn đồng). Được trừ vào số T 7.500.000 đồng anh B đã nộp tại Biên lai thu T tạm ứng án phí số 0013707 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh B phải nộp tiếp 925.000 đồng (Chín trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

- Về T chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chi phí thẩm định, định giá tài sản hết 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Chị Nguyễn Thị C tự nguyện chịu cả, xác nhận chị C đã nộp đủ.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị C số T 6.500.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu T tạm ứng án phí số 0013849 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số T phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu T lãi với số T chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (T án phí không tính lãi).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã B Sơn, L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Tạ Thị Thu Thủy**



**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố H Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).